



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2726 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 24 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ gạo từ nguồn dự trữ quốc gia hỗ trợ người dân bị thiệt hại do mưa lũ lịch sử trên địa bàn tỉnh Gia Lai (đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20/11/2012;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BTC ngày 27/6/2025 của Bộ Tài chính Quy định về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ;

Căn cứ Quyết định số 3929/QĐ-BTC ngày 23/11/2025 của Bộ Tài chính về việc xuất cấp gạo dự trữ quốc gia trong tình huống đột xuất, cấp bách cho Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-CDT ngày 23/11/2025 của Cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất cấp gạo dự trữ quốc gia trong tình huống đột xuất, cấp bách cho Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 650/TTr-SNNMT ngày 24/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 1.000 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ người dân tại một số xã, phường bị thiệt hại do mưa lũ lịch sử trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

1. Danh mục và số lượng gạo xuất cấp cho các xã, phường: (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Đơn vị xuất cấp gạo: Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI.

3. Thời gian xuất cấp: Từ ngày 23/11/2025 đến ngày 20/12/2025.

4. Địa điểm giao nhận: Trung tâm các xã, phường được hỗ trợ.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Là cơ quan đầu mối; chủ trì phối hợp với Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc giao, nhận gạo hỗ trợ cho người dân theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI tại trung tâm các xã, phường và cấp phát gạo cho người dân kịp thời, đúng quy

định; thường xuyên theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.

2. Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI: Có trách nhiệm tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho người dân và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh tại trung tâm các xã, phường; đảm bảo số lượng, chất lượng gạo theo quy định.

3. UBND các xã, phường: Tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI tại trung tâm các xã, phường và cấp phát gạo cho người dân bị thiệt hại do mưa lũ kịp thời, đúng đối tượng và đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chi cục trưởng Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TC, Bộ NNMT (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN, PVPPTH;
- Lưu: VT, N5, N6, T10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp



PHỤ LỤC
DANH MỤC VÀ SỐ LƯỢNG GẠO XUẤT CẤP CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định số: 2726/QĐ-UBND ngày 24 /11/2025 của UBND tỉnh)

STT	Xã, phường	Số hộ	Số người	Nhu cầu hỗ trợ gạo (đợt 2) (kg)	Số phân bổ theo QĐ số 3929/QĐ-BTC (kg)
	Tổng cộng	5,551	22,222	1,328,995	1,000,000
1	Phường Quy Nhơn	172	690	32,640	31,050
2	Phường Quy Nhơn Đông	528	2,112	100,000	95,040
3	Phường Quy Nhơn Tây	694	2,777	150,030	124,965
4	Phường Quy Nhơn Nam	313	1,254	56,430	56,430
5	Phường Quy Nhơn Bắc	396	1,585	75,000	71,325
6	Xã Tuy Phước	500	2,000	100,000	90,000
7	Xã Tuy Phước Đông	611	2,447	120,000	110,125
8	Xã Tuy Phước Tây	56	224	52,515	10,080
9	Xã Tuy Phước Bắc	94	378	20,000	17,010
10	Phường Bình Định	39	156	7,000	7,020
11	Phường An Nhơn Bắc	278	1,112	100,000	50,040
12	Phường An Nhơn Nam	325	1,300	90,000	58,500
13	Xã Phù Cát	97	390	27,000	17,550
14	Xã Ngô Mỹ	311	1,245	70,000	56,025
15	Xã Cát Tiến	400	1,600	120,000	72,000
16	Xã Vân Canh	167	668	80,000	30,060
17	Xã Canh Vinh	21	86	3,870	3,870
18	Xã Ia Sao	171	685	32,450	30,825

19	Xã Ia Dreh	311	1,245	80,000	56,025
20	Xã Phú Túc	67	268	12,060	12,060